

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 273/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 4 năm 2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Cẩm Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Bích Liên

2. Bà Dương Thị Diễm

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị T PH - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 93/TLST- HNGĐ ngày 09/2/2022 về “tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Diệu H**, sinh năm 1978;

ĐNKTT: Số qrt, phường Q, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số abc, phường X, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: **Anh Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1974;

ĐNKTT và nơi ở: Số abc, phường X, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. (vắng mặt tại phiên tòa).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 08 năm 2020, tại bản tự khai, tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, chị Nguyễn Diệu H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hoàng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết ngày 31/12/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trên cơ sở có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chúng tôi về sống cùng gia đình chồng tại địa chỉ Số abc, phường X, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, anh T không có trách nhiệm về con cái, thỉnh thoảng vợ chồng xảy ra cãi vã và xô xát, anh T thiếu trách nhiệm với vợ con, không tôn trọng nhau, không

có sự chia sẻ trong gia đình. Khi anh chị mâu thuẫn gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Vì mâu thuẫn quá trầm trọng vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nguyện vọng của chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng L, sinh ngày 26/11/2008 và cháu Nguyễn Kim K sinh ngày 16/01/2013. Hiện hai cháu đang sinh sống ở với chị. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi hai cháu K và L, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nhà ở chung: Chị H xác nhận chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị H xác nhận, anh chị không vay và nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn là anh Nguyễn Hoàng T: Anh Nguyễn Hoàng T không đến Tòa làm việc. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng: Giấy triệu tập; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo yêu cầu giao nộp văn bản ý kiến trình bày quan điểm; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Hoàng T.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Hoàng T vắng mặt lần thứ 2 liên tiếp không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

- Tại biên bản ghi ý kiến đối với bà Hoàng Thị O (mẹ đẻ của anh Nguyễn Hoàng T) bà O cho biết: Sau khi chị H và anh T kết hôn, hai anh chị về sống ở nhà bà. Quá trình chung sống anh có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T thiếu quan tâm đến gia đình, chị H thì không khéo léo vun vén về nên hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không hòa hợp về quan điểm sống. Sau khi anh chị mâu thuẫn bà O cũng có khuyên bảo góp ý nhưng không được. Nay anh chị mâu thuẫn dẫn đến việc xin ly hôn, bà O đề nghị Tòa án căn cứ vào tình trạng hôn nhân của anh chị và quy định của pháp luật cho anh chị ly hôn; Anh T thường xuyên đi làm về muộn nên bà O xin phép Tòa cho anh T được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc tại Tòa; Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu: Nguyễn Hồng L, sinh ngày 26/11/2008; Nguyễn Kim K sinh ngày 16/01/2013, hiện hai cháu đang ở với chị H. Hiện anh T và chị H không còn ở với nhau nữa, các cháu xin ở với ai tùy quan điểm của các cháu.; Về tài sản chung: Anh chị có tài sản chung hay không bà O không biết; Về vay nợ: Tôi không biết.

- Tại biên bản xác minh ngày 11/3/2022, ông Lê Văn T tổ trưởng tổ dân phố số 12B phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cho biết: Chị Nguyễn Diệu H và anh Nguyễn Hoàng T sau khi kết hôn sinh sống tại địa chỉ Sốabc, phường X, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống tại địa pH, anh chị chung sống không hạnh phúc, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân mâu thuẫn ông không xác định được, chỉ biết hiện chị H không sống cùng với anh T. Nay chị H

xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án căn cứ vào tình trạng hôn nhân và các quy định của pháp luật để giải quyết; Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu: Nguyễn Hồng L, sinh ngày 26/11/2008; Nguyễn Kim K sinh ngày 16/01/2013. Hiện hai cháu đang ở với chị H, khi anh chị ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các cháu để giao các cháu cho người nuôi dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho các cháu; Về tài sản, nhà ở chung, vay nợ: Ông T không biết, không xác định được.

- Tại bản tự khai ngày 11/3/2022 của cháu Nguyễn Kim K và cháu Nguyễn Hồng L (con của chị H, anh T) các cháu trình bày: Bố mẹ cháu không ở cùng nhau, có nguyện vọng ở với mẹ.

Tại phiên tòa: Chị H giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 đến nay. Nay chị xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, anh T và chị không thể tiếp tục chung sống. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T; Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng L, sinh ngày 26/11/2008 và cháu Nguyễn Kim K sinh ngày 16/01/2013, hiện hai cháu đang ở với chị. Chị H có nguyện vọng được nuôi 02 con chung và không yêu cầu việc anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nhà ở chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết; Về vay nợ: Chị H, anh T không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Chuyển thông báo thụ lý vụ án, các quyết định đến Viện kiểm sát và các tổng đạt cho đương sự theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 175; Điều 191; Điều 195; Điều 196; Điều 199 và khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ theo Điều 96; Điều 97, Điều 98; Điều 100 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã được tiến hành đúng theo quy định khoản 1 Điều 205; khoản 2 Điều 207; Điều 208 đến Điều 212 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và đã được tổng đạt hợp lệ cho đương sự;

+ Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo qui định tại Điều 63 và cH XIV Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn qui định tại Điều 51; Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 76; Chấp hành đúng nội qui phiên tòa theo Điều 234, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 42; Điều 213; Điều 246; Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 63; khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Diệu H; về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hồng L, sinh ngày 26/11/2008 và Nguyễn Kim K sinh ngày 16/01/2013 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi các con chung nên không xem xét giải quyết; Về tài sản, nhà ở chung: Chị H xác nhận chị, anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về vay nợ: Chị H xác nhận chị và anh T không vay, nợ ai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Áp dụng vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tuyên nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn Anh Nguyễn Hoàng T, có ĐKNKTT và nơi ở: Sốabc, phường X, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình về “tranh chấp ly hôn” là đúng thẩm quyền; Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T nhưng không tổng đạt được. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T theo quy định của pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án là hợp lệ. Tòa án đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh T, nhưng tại phiên Tòa hôm nay anh T vắng mặt lần thứ 2 liên tiếp không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân, giữa chị Nguyễn Diệu H và anh Nguyễn Hoàng T có đăng ký kết hôn 31/12/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận kết hôn số 113 quyển số 01/2008, đây là hôn nhân hợp pháp; Trong quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, anh T không có trách nhiệm về con cái dẫn đến tình

cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm. Gia đình đã khuyên giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Nay chị H không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Quá trình xác minh của Tòa án tại nơi cư trú, lấy lời khai, lời trình bày của nguyên đơn, lời khai của bà Hoàng Thị O (mẹ đẻ của anh Nguyễn Hoàng T) cho thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn của chị H và anh T do bất đồng quan điểm sống, không có sự chia sẻ cuộc sống gia đình, đã ly thân từ tháng 7/2019 đến nay, mỗi người ở một nơi không quan tâm đến nhau, anh chị cũng đã được gia đình khuyên bảo hòa giải đoàn tụ song không cải thiện được tình cảm điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng; Quá trình giải quyết tại Tòa án, anh Nguyễn Hoàng T không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án, không thể hiện quan điểm về việc chị H xin ly hôn, về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nhà ở và vay nợ chung, không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vắng mặt không có lý do, chứng tỏ anh T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy, cuộc sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài vì vậy căn cứ *Điều 19*; Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Diệu H đối với anh Nguyễn Hoàng T. Chị Nguyễn Diệu H được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Diệu H và anh Nguyễn Hoàng T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng L, sinh ngày 26/11/2008 và cháu Nguyễn Kim K sinh ngày 16/01/2013. Hai con hiện đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Xét thấy, cháu L và cháu K đều đã trên 07 tuổi và đang ở với chị H, cùng có nguyện vọng được chung sống với chị H bản thân chị H có công việc ổn định, có chỗ ở và có điều kiện chăm sóc con, không phụ thuộc vào anh T về kinh tế. Mặt khác, anh T cũng không đến Tòa án trình bày quan điểm gì về việc nuôi các con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc giao cho ai nuôi con là để đảm bảo quyền lợi của trẻ. Vì vậy, giao cháu Nguyễn Hồng L và Nguyễn Kim K cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho các cháu, được quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi các con chung của anh T nên không xem xét.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung không ai được ngăn cản.

[5] Về tài sản và nhà đất ở chung: Chị H xác nhận chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về vay nợ chung: Chị H xác nhận, chị và anh T không vay, nợ ai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Diệu H và anh Nguyễn Hoàng T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; Điều 19, 51, 56, 58, 59, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Diệu H

Chị Nguyễn Diệu H được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T

2 .Về con chung: Chị Nguyễn Diệu H và anh Nguyễn Hoàng T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng L, sinh ngày 26/11/2008 và Nguyễn Kim K sinh ngày 16/01/2013; Giao cháu Nguyễn Hồng L và cháu Nguyễn Kim K cho chị Nguyễn Diệu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 5/2022 cho đến khi các con chung trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi các con chung của anh T nên Tòa không xét.

Anh Nguyễn Hoàng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản và nhà đất ở chung: Chị H xác nhận, chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

4. Về vay nợ chung: Chị H xác nhận, chị và anh T không vay, nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Diệu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0067841 ngày 13/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình.

6. Về quyền kháng cáo: Chị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ba Đình;

- Chi cục THA DS quận Ba Đình;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- TAND TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Hà Cẩm Hà